

Họ và tên:Lớp.....Số báo danh:

Mã đề 3101

PHẦN I. (5 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15.
Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Ý nào sau đây là ứng dụng công nghệ cao trong thu hoạch sản phẩm trồng trọt?

- A. Máy cắt cỏ. B. Máy tách hạt ngô.
C. Robot thu hoạch rau. D. Máy tuốt lúa.

Câu 2. Bệnh đạo ôn có đặc điểm nào sau đây?

- A. Bệnh thường lởm đốm vàng xanh, gân lá sưng.
B. Bệnh thường gây hại từ mép lá, lúc đầu vết bệnh nhỏ, sau liên kết thành mảng lớn, xung quanh có đường viền màu nâu sẫm.
C. Cây bị bệnh cành và lá héo rũ, gốc xù xì.
D. Trên lá có chấm nhỏ màu xanh lục, mờ, sau đó có hình thoi, màu nâu nhạt, có quảng màu vàng nhạt, giữa vết bệnh màu tro xám.

Câu 3. Khi nói về việc bảo quản bằng công nghệ plasma lạnh, phát biểu nào sau đây **không đúng**?

- A. Có chi phí đầu tư, vận hành rất thấp; công suất xử lý và hiệu quả cao.
B. Thời gian xử lý dài hơn so với phương pháp khử trùng bằng hoá chất và nhiệt.
C. Bảo quản bằng công nghệ plasma giúp giữ nguyên hương vị, thành phần nước, muối và khoáng chất.
D. Làm thay đổi bề mặt và thành phần bên trong các lớp mô.

Câu 4. Ý nào sau đây là một loại bệnh hại cây trồng?

- A. Ruộng lúa bị cháy rầy.
B. Cây dưa leo bị héo xanh do vi khuẩn.
C. Ruồi đục quả ổi gây thối quả.
D. Ngô bị sâu keo gây hại.

Câu 5. Trong trồng trọt, biện pháp cơ giới hóa nào sau đây được sử dụng phổ biến?

- A. Cơ giới hóa trong gieo trồng.
B. Cơ giới hóa trong chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh.
C. Cơ giới hóa trong làm đất.
D. Cơ giới hóa trong thu hoạch sản phẩm trồng trọt.

Câu 6. Cơ thể màu vàng hoặc đen, bụng tròn, ngực có hai sọc vàng, đốt bụng có vân chữ T là đặc điểm con trưởng thành của loài nào?

- A. Sâu keo mùa thu. B. Rầy nâu hại lúa. C. Sâu tơ hại rau. D. Ruồi đục quả.

Câu 7. Lúa bị rầy nâu gây hại thường có biểu hiện nào sau đây?

- A. Lá lúa xuất hiện những vết trong, mờ, lá bị ăn thủng, xơ xác, chỉ còn trơ lại gân lá.
B. Cây bị khô héo và chết, hạt bị lép.
C. Lá lúa xuất hiện những đốm trắng, phiến lá bị ăn thủng, lá bị hại chỉ còn trơ lại gân lá.
D. Lá lúa xuất hiện những vết đốm đỏ.

Câu 8. Theo các bước cơ bản trong quy trình trồng trọt, bước nào sau đây được thực hiện sau khi chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh?

- A. Bón phân lót. B. Làm đất.
C. Gieo hạt, trồng cây con. D. Thu hoạch.

Câu 9. Biện pháp phòng trừ hiệu quả nhất đối với rầy nâu hại lúa là gì?

- A. Dùng giống lúa kháng rầy kết hợp biện pháp canh tác phù hợp.
B. Đốt đồng ngay sau thu hoạch để tiêu diệt rầy trưởng thành.
C. Sử dụng thuốc trừ sâu ngay khi thấy rầy xuất hiện.
D. Tăng lượng phân đạm để cây lúa có sức đề kháng.

Câu 10. Ruồi đục quả gây hại bằng cách nào?

- A. Chích vào quả, tạo vết thâm đen và làm thối quả.

B. Chích hút nhựa cây khiến lá bị vàng úa.

C. Ăn rễ cây làm cây kém phát triển.

D. Đục vào thân cây, làm cây đổ gãy.

Câu 11. Sâu tơ hại rau có tên khoa học là gì?

A. *Nilaparvata lugens*.

B. *Bactrocera dorsalis*.

C. *Spodoptera frugiperda*.

D. *Plutella xylostella*.

Câu 12. Chế phẩm nấm trừ sâu là sản phẩm có chứa

A. virus có khả năng gây độc cho sâu hại cây trồng.

B. vi khuẩn có khả năng gây độc cho sâu hại cây trồng.

C. nấm có khả năng gây bệnh cho sâu hại cây trồng.

D. vi sinh vật có khả năng gây độc cho sâu hại cây trồng.

Câu 13. Chế phẩm virus được sản xuất trên cơ thể của đối tượng nào?

A. Vi khuẩn.

B. Côn trùng.

C. Sâu non.

D. Nấm phấn trắng.

Câu 14. Chiều xạ là phương pháp bảo quản

A. hạt giống.

B. thóc, ngô.

C. rau, hoa, quả tươi.

D. củ giống.

Câu 15. Quy trình trồng trọt là

A. sử dụng các dụng cụ, máy móc phù hợp để làm đất.

B. biện pháp trồng cây con từ vườn ươm ra khu vực sản xuất.

C. sử dụng các dụng cụ, máy móc phù hợp để thu hoạch sản phẩm.

D. một chuỗi các công việc được tiến hành theo một trật tự xác định.

PHẦN II. (2 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a). b). c). d). ở mỗi câu thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Dựa vào kiến thức của em về các biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại. Hãy xác định các phát biểu sau là đúng (Đ) hay sai (S)?

a) Cơ sở khoa học của biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại là tạo điều kiện bất lợi cho sự phát triển của sâu, bệnh thông qua các biện pháp như làm đất, gieo trồng đúng thời vụ, vệ sinh đồng ruộng.

b) Sử dụng sinh vật có ích hoặc sản phẩm của chúng để tiêu diệt sâu, bệnh hại cây trồng thuộc biện pháp kỹ thuật canh tác.

c) Ở địa phương, việc phun thuốc bảo vệ thực vật hóa học được sử dụng để phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng khi mật độ sâu, bệnh tăng cao.

d) Việc tăng liều lượng thuốc bảo vệ thực vật hóa học sẽ đạt hiệu quả cao và không gây tác động tiêu cực đến cây trồng, con người và môi trường.

Câu 2. Dựa vào kiến thức của em về quy trình trồng trọt và cơ giới hoá trong trồng trọt. Hãy xác định các phát biểu sau là đúng (Đ) hay sai (S)?

a) Công đoạn làm đất trong quy trình trồng trọt có ý nghĩa làm cho đất tơi xốp, tăng khả năng giữ nước, tạo điều kiện thuận lợi cho hạt nảy mầm và cây trồng phát triển.

b) Bước chăm sóc cây trồng trong quy trình trồng trọt chỉ có ý nghĩa cung cấp nước cho cây, không ảnh hưởng đến sinh trưởng và năng suất cây trồng.

c) Ở địa phương, việc sử dụng máy gieo hạt hoặc máy cấy giúp cây trồng được gieo trồng đúng khoảng cách, tiết kiệm giống và nâng cao năng suất lao động so với gieo trồng thủ công.

d) Trong sản xuất trồng trọt ở địa phương, cơ giới hóa chỉ được áp dụng ở khâu làm đất, còn các khâu gieo trồng, chăm sóc và thu hoạch hoàn toàn không thể áp dụng máy móc.

PHẦN III. (3 điểm) Tự luận.

Câu 1. (1 điểm)

Phân biệt biện pháp sinh học và biện pháp hoá học trong phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng? (*Khái niệm, ưu điểm, nhược điểm, thời điểm áp dụng*)

Câu 2. (2 điểm)

a) Hãy nêu nhược điểm của một số công nghệ cao trong bảo quản sản phẩm trồng trọt?

b) Có một số sản phẩm trồng trọt sau: lúa, ngô, đậu tây, hoa lay ơn. Dựa vào kiến thức đã học về công nghệ cao trong bảo quản sản phẩm trồng trọt em hãy đề xuất biện pháp bảo quản phù hợp?

----- HẾT -----

SỞ GD&ĐT ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT HÙNG VƯƠNG

(Đề thi có 02 trang)

KIỂM TRA GIỮA KỲ II
NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP 10

Thời gian làm bài: 45 phút
(không kể thời gian phát đề)

HƯỚNG DẪN CHẤM

PHẦN I, II (7 Điểm)

Câu	3101	3102	3103	3104	3105	3106	3107	3108
1	C	A	C	A	D	C	C	B
2	D	C	B	B	D	C	A	D
3	D	A	C	B	C	B	B	D
4	B	B	C	A	D	B	B	D
5	C	B	D	A	B	A	C	B
6	D	D	D	D	A	D	C	A
7	B	D	D	A	A	D	D	D
8	D	D	B	B	C	B	A	C
9	A	C	B	A	D	C	B	A
10	A	B	C	C	B	D	B	C
11	D	B	C	A	D	D	D	C
12	C	D	D	D	D	A	B	D
13	C	A	D	B	C	B	B	B
14	C	B	B	B	C	C	C	D
15	D	C	B	C	B	C	C	D
	DSDS	SDSD	DSDS	SDSD	DSDS	SDSD	DSDS	SDSD
	DSDS	SDSD	DSDS	SDSD	DSDS	SDSD	DSDS	SDSD

- **Đối với HSKT:**
- **Mỗi câu đúng được tính 1 điểm (chú ý điểm phần này điểm không vượt quá < 5 điểm)**
- **Phần II: Mỗi ý đúng tính 1 điểm (chú ý phần này không vượt quá 2 điểm)**

PHẦN III (3 ĐIỂM)

Mã đề 3101, 3103, 3105, 3107

Câu	Nội dung	Điểm	HSKT		
Câu 1 (1 điểm)	Phân biệt biện pháp sinh học và biện pháp hoá học trong phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng? (Khái niệm, ưu điểm, nhược điểm, thời điểm áp dụng)		-		
		BP Sinh học	BP Hoá học		
	Khái niệm	Là sử dụng sinh vật có ích hoặc sản phẩm của chúng để tiêu diệt sâu bệnh hại cây trồng.	Là sử dụng các thuốc hoá học để phòng trừ sâu bệnh hại	0,25	Chỉ cần nêu được khái niệm/ưu điểm/nhược điểm/Thời điểm sử dụng của Biện pháp sinh học/ biện pháp hoá học: 1,0 điểm.
	Ưu điểm	Tác dụng lâu dài, an toàn với con người, cây trồng , thân thiện môi trường	Dễ sử dụng, hiệu quả nhanh.	0,25	
				0,25	
	Nhược điểm	Tác dụng chậm, hiệu quả thấp	Ảnh hưởng đến con người và cây trồng, gây ô nhiễm môi trường	0,25	
	Thời điểm áp dụng	Khi sâu, bệnh hại chưa bùng phát	Khi sâu, bệnh hại đã bùng phát		
Câu 2 (2 điểm)	a) Hãy nêu nhược điểm của một số công nghệ cao trong bảo quản sản phẩm trồng trọt? - Bảo quản bằng kho silo: Chi phí đầu tư cao - Bảo quản trong kho lạnh: Chi phí đầu tư cao, tiêu tốn năng lượng khi vận hành - Bảo quản bằng chiếu xạ: Không tiêu diệt được hoàn toàn vi sinh vật, chi phí đầu tư và vận hành cao. - Bảo quản bằng khí quyển điều chỉnh: Hệ thống phức tạp, hình phí lớn, yêu cầu kỹ thuật cao. - Bảo quản bằng công nghệ plasma lạnh: Chỉ có tác dụng khử trùng bề mặt. b) Có một số sản phẩm trồng trọt sau: lúa, ngô, đậu tây, hoa lay ơn. Dựa vào kiến thức đã học về công nghệ cao trong bảo quản sản phẩm trồng trọt em hãy đề xuất biện pháp bảo quản phù hợp? Lúa, ngô: bảo quản bằng kho silo. Đậu tây: bảo quản trong kho lạnh hoặc chiếu xạ/ bằng công nghệ plasma lạnh/ bằng khí quyển điều chỉnh. Hoa lay ơn: bảo quản trong kho lạnh.	 - 1 công nghệ: 0,25 - 3-4 công nghệ: 1,0 điểm (1 biện pháp bảo quản 1 loại sản phẩm được 0,25 điểm).	 - 1 công nghệ: 0,5 - 3-4 công nghệ: 2,0 điểm (1 biện pháp bảo quản 1 loại sản phẩm được 0,5 điểm).		

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề có 2 trang)

Thời gian làm bài: 45 phút, không kể thời gian phát đề

Họ và tên:Lớp:.....Số báo danh:

Mã đề thi 2101

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Bước cuối cùng của quy trình lập bản vẽ chi tiết

- A. Vẽ các hình biểu diễn.
- B. Ghi kích thước, các yêu cầu kỹ thuật và nội dung khung tên.
- C. Tìm hiểu công dụng, yêu cầu kỹ thuật của chi tiết.
- D. Chọn phương án biểu diễn.

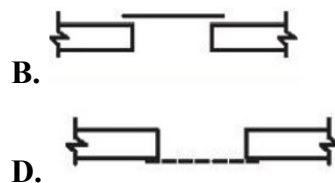
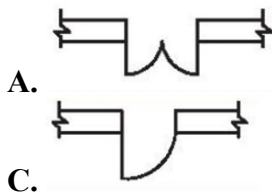
Câu 2: *Thực đơn* trong giao diện của phần mềm AutoCAD là:

- A. Nằm bên dưới vùng đồ họa. Đây là nơi để nhập lệnh, nhập dữ liệu.
- B. Nằm ngay bên dưới thực đơn.
- C. Hàng chữ nằm trên cùng.
- D. Vùng không gian lớn nhất ở trung tâm màn hình, ngay bên dưới thanh công cụ, hiển thị nội dung của bản vẽ, hệ tọa độ, con trỏ.

Câu 3: Để lập bản vẽ chi tiết thường được tiến hành qua mấy bước?

- A. 5. B. 3. C. 6. D. 4.

Câu 4: Hãy cho biết trên bản vẽ nhà, đâu là kí hiệu cửa nâng hoặc cửa cuốn?



Câu 5: Trong quá trình thiết kế công trình xây dựng, bản vẽ thiết kế kỹ thuật gồm

- A. trình bày cách tổ chức, xây dựng công trình.
- B. các bản vẽ thể hiện ý tưởng người thiết kế và trình bày cách tổ chức, xây dựng công trình.
- C. các bản vẽ thể hiện cấu tạo kiến trúc, vật liệu tạo thành công trình.
- D. các bản vẽ thể hiện ý tưởng người thiết kế.

Câu 6: Đối với ren nhìn thấy, đường đỉnh ren vẽ bằng nét gì?

- A. Nét liền mảnh. B. Nét đứt mảnh.
- C. Nét liền đậm. D. Vẽ hờ bằng nét liền mảnh.

Câu 7: Quá trình thiết kế một công trình xây dựng không bao gồm loại bản vẽ nào?

- A. Bản vẽ thiết kế phương án.
- B. Bản vẽ thiết kế kỹ thuật.
- C. Bản vẽ lắp.
- D. Bản vẽ kỹ thuật thi công.

Câu 8: Tên gọi khác của ren trong là

- A. Chân ren. B. Ren lỗ. C. Đỉnh ren. D. Ren trục.

Câu 9: Sq là kí hiệu của loại ren nào?

- A. Ren vuông. B. Ren thang. C. Ren hệ mét. D. Ren tròn.

Câu 10: Trong bản vẽ một chi tiết ren có kí hiệu **M 10 x 1 LH**. Thông tin nào về chi tiết ren trên là không đúng?

- A. Là ren hệ mét. B. Đường kính của ren là 10mm.

C. Là ren xoắn phải.

D. Bước ren là 1mm.

Câu 11: Trong các hình biểu của ngôi nhà thì Mặt cắt là gì?

A. Là hình chiếu vuông góc của ngôi nhà lên mặt phẳng thẳng đứng để thể hiện hình dáng kiến trúc bên ngoài ngôi nhà.

B. Là hình chiếu phối cảnh của ngôi nhà.

C. Là hình cắt bằng với các mặt phẳng cắt tưởng tượng nằm ngang đi qua cửa sổ.

D. Là hình cắt thu được khi dùng mặt phẳng cắt tưởng tượng thẳng đứng cắt qua không gian trống của ngôi nhà.

Câu 12: Điền vào chỗ trống: Vẽ kỹ thuật dưới sự trợ giúp của máy tính thực chất là sử dụng các để lập bản vẽ.

A. loại máy tính bảng.

B. phần mềm.

C. thiết bị công nghệ.

D. cây bút.

Câu 13: Khi thiết lập bản vẽ kỹ thuật bằng máy tính, thường thực hiện qua các bước:

(1). Tạo bản vẽ mới.

(2). Phân tích bản vẽ và tiến hành vẽ

(3). Khởi động phần mềm.

(4). Kết xuất bản vẽ.

(5). Thiết lập các thông số ban đầu.

Thứ tự đúng các bước là

A. (3), (2), (1), (5), (4).

B. (3), (5), (1), (4), (5).

C. (3), (2), (1), (4), (5).

D. (3), (1), (5), (2), (4).

Câu 14: Nội dung của bản vẽ lắp bao gồm

A. hình dạng và vị trí của chi tiết trong sản phẩm.

B. kích thước chung và kích thước lắp giữa các chi tiết.

C. D. Tên các chi tiết, số lượng và vật liệu chế tạo.

D. các hình biểu diễn, kích thước, bảng kê và khung tên.

Câu 15: Bản vẽ chi tiết thể hiện nội dung gì?

A. Hình dạng, cấu tạo của chi tiết.

B. Hình dạng, kích thước và các yêu cầu kỹ thuật của chi tiết.

C. Hình dạng, kích thước của chi tiết.

D. Hình dạng, các yêu cầu kỹ thuật của chi tiết.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Một nhóm học sinh đọc một loại ren có kí hiệu Tr 20 x 2 LH như sau:

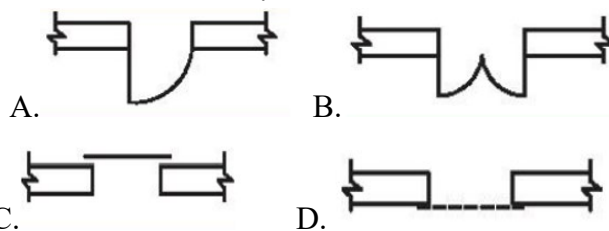
a) Là ren thang.

b) Là ren xoắn trái.

c) Đường kính của ren là 20mm.

d) Bước ren là 2mm.

Câu 2: Trên bản vẽ nhà có các hình vẽ kí hiệu như sau:



a) Hình A là cửa đi đơn 1 cánh.

b) Hình B là cửa kép 1 cánh.

c) Hình C là cửa lùa.

d) Hình D là cửa cuốn.

PHẦN III. Tự luận.

Câu 1. (0,5đ) Thế nào là ren ngoài? Nêu các ứng dụng của ren?

Câu 2. (2,5đ) Vẽ kí hiệu của 3 loại vật liệu kim loại, chất dẻo, gạch các loại trong bản vẽ xây dựng?

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

PHẦN I + II. Trắc nghiệm (7 điểm)

Câu\Mã đề	2101	2103	2105	2107	Câu\Mã đề	2102	2104	2106	2108
1	B	B	C	C	1	A	B	A	B
2	C	D	D	A	2	B	D	A	B
3	D	A	B	C	3	A	B	C	C
4	B	B	D	B	4	D	C	D	A
5	C	B	A	A	5	B	D	C	D
6	C	C	C	D	6	C	B	B	A
7	C	D	A	D	7	B	D	C	A
8	B	A	A	A	8	A	A	C	B
9	A	B	C	D	9	C	C	D	D
10	C	D	C	C	10	A	A	D	D
11	D	A	C	A	11	A	C	C	C
12	B	B	B	B	12	B	D	A	B
13	D	B	A	C	13	C	D	D	C
14	D	C	C	B	14	D	D	C	D
15	B	C	B	C	15	A	D	A	A
1	DDSD	DDSD	DDSD	DDSD	16	DSDD	DSDD	DSDD	DSDD
2	DSSS	DSSS	DSSS	DSSS	17	DSDD	DSDD	DSDD	DSDD

PHẦN III. Tự luận (3 điểm)

ĐỀ LỄ

Câu	Nội dung	Điểm
1	- Ren ngoài là ren hình thành ở mặt ngoài của chi tiết ren.	0,25đ
	- Ren để ghép nối các chi tiết với nhau và truyền chuyển động.	0,25đ
2	- Vẽ đúng kí hiệu của 3 loại vật liệu kim loại, chất dẻo, gạch các loại trong bản vẽ xây dựng. (Mỗi hình đúng 0,75đ)	2,25đ
	- Vẽ đẹp (dùng thước kẻ, rõ ràng, sạch sẽ)	0,25đ

ĐỀ CHẤM

Câu	Nội dung	Điểm
1	- Ren trong là ren hình thành ở mặt trong của chi tiết ren.	0,25đ
	- Ren để ghép nối các chi tiết với nhau và truyền chuyển động.	0,25đ
2	- Vẽ đúng kí hiệu của 3 loại vật liệu bê tông, đá, vật liệu trong suốt trong bản vẽ xây dựng. (Mỗi hình đúng 0,75đ)	2,25đ
	- Vẽ đẹp (dùng thước kẻ, rõ ràng, sạch sẽ)	0,25đ

----- HẾT -----